

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-30
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-30

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hữu Tuyền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/04/2022
Ông Bùi Hồng Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/04/2022
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên	
Ông Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2022
Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2022
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban	
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên	
Ông Đoàn Duy Thái	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Ôtô 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Mạnh Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022



Số: 120822.032 /BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 01 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

T:(84) 24 3824 1990 | F:(84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		67.544.742.590	54.808.018.979
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	42.000.231.399	29.528.923.057
111	1. Tiền		42.000.231.399	29.528.923.057
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.600.000.000	22.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.600.000.000	22.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.711.729.886	1.222.665.086
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.002.580.400	555.977.004
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	287.859.018	69.460.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	421.290.468	597.228.082
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.232.781.305	1.456.430.836
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	64.617.224	545.256.453
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.168.164.081	911.174.383
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.050.651.797	55.937.561.019
220	I. Tài sản cố định		50.178.506.020	55.105.526.353
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	49.763.182.696	54.551.598.859
222	- Nguyên giá		179.057.174.591	179.145.525.045
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(129.293.991.895)	(124.593.926.186)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	415.323.324	553.927.494
228	- Nguyên giá		3.104.613.682	3.104.613.682
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.689.290.358)	(2.550.686.188)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	8	872.145.777	832.034.666
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		872.145.777	832.034.666
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		118.595.394.387	110.745.579.998

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.059.725.850	4.900.022.099
310	I. Nợ ngắn hạn		13.059.725.850	4.900.022.099
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	900.786.142	1.394.995.298
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	3.585.748	182.152.200
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	993.067.597	82.896.863
314	4. Phải trả người lao động		8.081.920.020	992.765.060
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.123.400.557	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	287.357.430	457.210.002
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.241.403.528	489.291.244
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		428.204.828	1.300.711.432
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		105.535.668.537	105.845.557.899
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	105.535.668.537	105.845.557.899
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.380.000.000	6.380.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.140.039.163	4.449.928.525
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.325.662.629	4.325.662.629
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		814.376.534	124.265.896
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		118.595.394.387	110.745.579.998



Vũ Thị Loan
Người lập


Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng


Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	38.758.667.649	50.076.184.219
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.758.667.649	50.076.184.219
11	4. Giá vốn hàng bán	21	33.298.617.824	41.667.060.547
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.460.049.825	8.409.123.672
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	566.545.033	573.314.813
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	3.482.485.489	3.491.327.903
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.544.109.369	5.491.110.582
31	11. Thu nhập khác		1.861.298	83.932
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		1.861.298	83.932
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.545.970.667	5.491.194.514
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác		1.528.000.000	1.528.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Công ty		1.017.970.667	3.963.194.514
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	203.594.133	792.038.904
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>814.376.534</u>	<u>3.171.155.610</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		86	334

Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.545.970.667	5.491.194.514
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.479.152.152	6.041.164.681
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(566.545.033)	(573.314.813)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.458.577.786	10.959.044.382
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(949.648.631)	(1.169.163.482)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		7.521.006.355	(4.563.664.788)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		480.639.229	10.299.228
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(35.564.408)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.996.772.500)	(1.668.997.122)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.513.802.239	3.531.953.810
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(592.242.930)	(1.121.200.454)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		566.545.033	594.914.813
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.697.897)	(526.285.641)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.796.000)	(5.530.182.320)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.796.000)	(5.530.182.320)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		12.471.308.342	(2.524.514.151)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		29.528.923.057	38.893.542.230
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		42.000.231.399	36.369.028.079

Loan

Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 388 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 390 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề và sâu sắc bởi hệ quả đại dịch Covid-19, các hoạt động thương mại, vận tải và dịch vụ bị đình trệ và gặp nhiều khó khăn dẫn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm
- Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình
- Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát

Địa chỉ

- Hà Nội
- Hà Nội
- Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành. Thời hạn hợp đồng được gia hạn đến 31/12/2024.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là: Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 01 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Trường hợp Công ty huy động xe của các đơn vị không phải là doanh nghiệp vận tải kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ để phục vụ cho việc hỗ trợ, giải quyết nhu cầu vận tải hành khách lúc cao điểm trong các dịp lễ, Tết... thì Công ty nộp thuế TNDN thay cho các đối tượng đó như trường hợp cơ sở kinh doanh và đơn vị sự nghiệp xác định được đúng doanh thu nhưng không có đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào để xác định được chi phí với mức thuế suất thuế TNDN là 2% trên doanh thu cung cấp dịch vụ.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Trong kỳ, toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	555.945.155	91.238.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.847.083.936	29.271.289.379
Tiền đang chuyển	1.597.202.308	166.395.678
	42.000.231.399	29.528.923.057

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-

Tại ngày 30/06/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 22.600.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất 4,75%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty CP Xe điện Hà Nội	59.700.000	-	48.081.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu - Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	124.477.000	-	62.094.000	-
Công ty CP xe khách Bắc Giang	145.073.000	-	43.372.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	53.541.000	-	34.596.000	-
Trung tâm Tân Đạt - Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	54.099.000	-	60.715.500	-
Công ty CP xe khách Hà Nội	161.672.800	-	45.253.000	-
Công ty TNHH Bắc Hà	-	-	51.069.600	-
Phải thu khách hàng khác	404.017.600	-	210.795.904	-
	1.002.580.400	-	555.977.004	-
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	597.696.800	-	359.788.500	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ IIG	177.450.000	-	-	-
Công ty CP Xây dựng và Công nghệ Môi trường Quang Minh	93.000.000	-	30.960.000	-
Trả trước cho người bán khác	17.409.018	-	38.500.000	-
	287.859.018	-	69.460.000	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	300.000.000	-	300.000.000	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	15.694.480	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.797.723	-	9.455.072	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	48.119.135	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	12.790.050	-
Tạm ứng	117.650.000	-	203.000.000	-
Phải thu khác	842.745	-	8.169.345	-
	421.290.468	-	597.228.082	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒ DANG

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Dự án bãi đỗ xe tại Phía Nam (1)	676.067.475	635.956.364
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình (2)	196.078.302	196.078.302
	<u>872.145.777</u>	<u>832.034.666</u>

(1): Dự án xây dựng bãi đỗ xe trong phân khu S5 huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm 30/06/2022, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế bãi đỗ xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2756/UBND-DT ngày 19/06/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc yêu cầu Công ty tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai giai đoạn 1, chấm dứt nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2 của dự án và lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 14/03/2019, Công ty đã gửi công văn số 132/CPBX cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội báo cáo về thông tin, tình hình triển khai và tiến độ thực hiện dự án để xin ý kiến chỉ đạo về dự án này. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa nhận được ý kiến chỉ đạo của các cơ quan chức năng liên quan đến dự án này.

(2): Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 30/06/2022, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2209/QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án. Công ty sẽ triển khai thực hiện trong thời gian thích hợp và phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	158.820.899.192	2.242.911.274	6.385.806.609	1.695.907.970	179.145.525.045
- Mua trong kỳ	-	95.345.455	-	456.786.364	552.131.819
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(640.482.273)	(640.482.273)
Số dư cuối kỳ	158.820.899.192	2.338.256.729	6.385.806.609	1.512.212.061	179.057.174.591
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	108.457.685.653	1.822.275.395	4.808.034.973	5.505.930.165	124.593.926.186
- Khấu hao trong kỳ	4.301.648.294	98.815.508	329.786.308	610.297.872	5.340.547.982
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(640.482.273)	(640.482.273)
Số dư cuối kỳ	112.759.333.947	1.921.090.903	5.137.821.281	9.475.745.764	129.293.991.895
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	50.363.213.539	420.635.879	1.577.771.636	2.189.977.805	54.551.598.859
Tại ngày cuối kỳ	46.061.565.245	417.165.826	1.247.985.328	2.036.466.297	49.763.182.696

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.652.202.458 đồng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính và khấu hao lũy kế tại ngày 30/06/2022 lần lượt là 3.104.613.682 đồng và 2.689.290.358 đồng, khấu hao trong kỳ là 138.604.170 đồng. Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.272.988.682 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	64.617.224	114.971.451
Chi phí lăn sơn Bến xe Mỹ Đình	-	269.410.456
Chi phí sửa chữa chống dột kiot A3 và trần phòng họp Bến xe Giáp Bát	-	160.874.546
	64.617.224	545.256.453

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Điện lực Nam Từ Liêm	157.295.844	157.295.844	-	-
Công ty Điện lực Hoàng Mai	111.032.359	111.032.359	-	-
Công ty TNHH Hoàn Mỹ	108.424.813	108.424.813	-	-
Công ty CP Phần mềm Quản trị Doanh nghiệp Công ty CP Kinh doanh dịch vụ Quản lý Bất động sản Homecare	-	-	308.864.800	308.864.800
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG Công ty CP Tư vấn - Đầu tư Xây dựng Chiếu sáng và Cơ điện Công trình	-	-	195.530.323	195.530.323
Phải trả các đối tượng khác	524.033.126	524.033.126	178.585.000	178.585.000
	900.786.142	900.786.142	1.394.995.298	1.394.995.298

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nguyễn Thế Hạnh	-	43.636.000
Công ty TNHH Vận tải Bus Hải Phòng	-	38.990.000
Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải Thương mại Tiên Phương	-	23.394.000
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH vận tải Hà Sơn Hải Vân	-	18.892.000
Đối tượng khác	3.585.748	57.240.200
	3.585.748	182.152.200

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		82.896.863		2.413.863.269		1.503.692.535		-		131.575.856	993.067.597
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	335.169.989		-		203.594.133		-		-		40.741.480	-
Thuế Thu nhập cá nhân	11.156.860		-		(26.854.570)		2.730.050		-		995.846.745	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	564.847.534		-		1.695.696.879		2.130.696.090		-		-	-
Các loại thuế khác	-		-		6.000.000		6.000.000		-		-	-
	911.174.383		82.896.863		4.296.299.711		3.643.118.675		1.168.164.081		993.067.597	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền thuế đất	988.164.232	-
- Chi phí vận chuyển rác	135.236.325	-
	<u>1.123.400.557</u>	<u>-</u>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	287.357.430	457.210.002
	<u>287.357.430</u>	<u>457.210.002</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	47.267.246	96.500
- Bảo hiểm xã hội	2.958.638	50.075.100
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	114.000.000	114.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	301.115.520	317.911.520
- Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (*)	764.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.062.124	7.208.124
	<u>1.241.403.528</u>	<u>489.291.244</u>
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)	<u>764.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Khoản tiền phải trả liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-HĐHT/TRANSERCO-BXHN ngày 27/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	100,00%	15.629.374	16,32%	6.380.000.000	6,72%	13.623.425.129	14,34%	115.019.054.503	121,08%
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	3.171.155.610	3,35%	3.171.155.610	3,35%
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(9.297.762.500)	(9,81%)	(9.297.762.500)	(9,81%)
Số dư cuối kỳ trước	95.000.000.000	100,00%	15.629.374	16,32%	6.380.000.000	6,72%	7.496.818.239	7,89%	108.892.447.613	114,62%
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	100,00%	15.629.374	16,32%	6.380.000.000	6,72%	4.449.928.525	4,67%	105.845.557.899	111,45%
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	814.376.534	8,59%	814.376.534	8,59%
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(1.124.265.896)	(11,81%)	(1.124.265.896)	(11,81%)
Số dư cuối kỳ này	95.000.000.000	100,00%	15.629.374	16,32%	6.380.000.000	6,72%	4.140.039.163	4,35%	105.535.668.537	111,09%

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 134 NQ/ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	4.449.928.525
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25,26%	1.124.265.896
Lợi nhuận chưa phân phối	74,74%	3.325.662.629

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,36%	15.538.440.000	16,36%	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,58%	15.757.560.000	16,58%	15.757.560.000
	100%	95.000.000.000	100%	95.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	317.911.520	216.489.520
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	-	5.700.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>		5.700.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(16.796.000)	(5.530.182.320)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(16.796.000)	(5.530.182.320)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	301.115.520	386.307.200

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.380.000.000	6.380.000.000
	6.380.000.000	6.380.000.000

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
- Từ 1 năm trở xuống	287.357.430	457.210.002
	287.357.430	457.210.002

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

b) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 20 Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm; Số 9 Ngô Gia Khảm, Quận Long Biên và lô đất tại Bến xe Giáp Bát, Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu về cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi	31.082.581.803	41.061.723.622
Doanh thu về cung cấp dịch vụ khác	7.676.085.846	9.014.460.597
	38.758.667.649	50.076.184.219
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)	2.721.263.641	3.199.312.734

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ cho thuê bến bãi đã cung cấp	26.700.032.704	34.128.742.047
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	6.598.585.120	7.538.318.500
	33.298.617.824	41.667.060.547

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	566.545.033	573.314.813
	566.545.033	573.314.813

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.656.200	8.970.000
Chi phí nhân công	2.357.669.343	2.381.581.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	620.430.435	661.490.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.457.773	215.768.371
Chi phí khác bằng tiền	259.271.738	223.517.200
	3.482.485.489	3.491.327.903

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.017.970.667	3.963.194.514
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.017.970.667	3.963.194.514
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	203.594.133	792.038.904
Thuế thu nhập doanh nghiệp xe tăng cường (2%)	-	503.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(335.169.989)	35.564.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(35.564.408)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(131.575.856)	792.542.540

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	814.376.534	3.171.155.610
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	814.376.534	3.171.155.610
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	86	334

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.656.200	8.970.000
Chi phí nhân công	18.440.301.983	20.887.464.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.479.152.152	6.041.164.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.679.558.642	9.158.391.879
Chi phí khác bằng tiền	8.172.434.336	9.062.397.696
	36.781.103.313	45.158.388.450

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	42.000.231.399	-	29.528.923.057	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.423.870.868	-	1.153.205.086	-
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	66.024.102.267	-	53.282.128.143	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	2.142.189.670	1.884.286.542
Chi phí phải trả	1.123.400.557	-
	3.265.590.227	1.884.286.542

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền	42.000.231.399	-	-	42.000.231.399
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.423.870.868	-	-	1.423.870.868
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<u>66.024.102.267</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>66.024.102.267</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	29.528.923.057	-	-	29.528.923.057
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.153.205.086	-	-	1.153.205.086
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<u>53.282.128.143</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>53.282.128.143</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.142.189.670	-	-	2.142.189.670
Chi phí phải trả	1.123.400.557	-	-	1.123.400.557
	3.265.590.227	-	-	3.265.590.227
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.884.286.542	-	-	1.884.286.542
	1.884.286.542	-	-	1.884.286.542

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 21 tháng 07 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 249/NQ-ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc dừng triển khai dự án "Bãi đỗ xe tải phía Nam Hà Nội" tại xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì. Theo đó, Công ty đã có Công văn số 266/CPBX ngày 02 tháng 08 năm 2022 gửi đến UBND Thành phố Hà Nội, Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội và UBND huyện Thanh Trì xin ý kiến phê duyệt về việc dừng dự án này. Do đó, Công ty sẽ thực hiện xử lý theo đúng quy định của pháp luật khi có các quyết định chính thức của UBND Thành phố Hà Nội.

Ngoài vấn đề nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Trung tâm Tân Dật	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Điều hành xe buýt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2022	2021
	VND	VND
Doanh thu	2.721.263.641	3.199.312.734
Trung tâm Tân Đạt	267.325.224	228.354.543
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	152.459.647	185.311.819
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	209.457.726	254.200.909
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	125.022.225	134.027.271
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	325.246.819	553.017.275
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	738.694.581	855.021.816
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	107.104.696	-
Trung tâm Điều hành xe buýt	2.216.498	9.600.001
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	357.119.832	441.781.820
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	378.288.666	479.767.278
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	55.244.394	58.230.002
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	3.083.333	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	161.941.935	156.769.065
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	113.069.528	84.376.192
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	40.472.407	21.665.600
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	-	34.363.637
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	8.400.000	16.363.636
Phân chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.528.000.000	1.528.000.000
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	1.528.000.000	1.528.000.000
Tỉ lệ cổ tức	-	4.754.546.400
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	-	3.822.240.000
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	-	932.306.400

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng	597.696.800	359.788.500
Trung tâm Tân Đạt	54.099.000	60.715.500
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	24.866.000	18.431.000
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	32.607.000	17.712.000
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	53.541.000	34.596.000
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	124.477.000	62.094.000
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	18.369.000	11.340.000
Trung tâm Điều hành xe buýt	940.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	57.705.000	44.547.000
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	59.700.000	48.081.000
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	161.672.800	45.253.000
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	9.720.000	17.019.000
Phải trả khác	764.000.000	-
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	764.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Anh Toàn	55.452.800	175.833.000
Ông Nguyễn Công Bằng	112.359.760	145.898.000
Ông Phạm Mạnh Hùng	124.656.800	29.700.000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị		
Ông Bùi Hồng Sơn	13.200.000	47.200.000
Ông Vũ Hữu Tuyển	19.700.000	29.700.000
Ông Phạm Mạnh Hùng	(*)	(*)
Ông Nguyễn Anh Toàn	(*)	(*)
Ông Nguyễn Công Bằng	(*)	(*)


(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Giám đốc như chi tiết bên trên.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán và soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.


Vũ Thị Loan
Người lập


Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng


Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

